

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 296/2024/HSST

Ngày: 20 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Hồng Hải

Ông Nguyễn Minh Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 346/2024/HSST ngày 13/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2024/QĐXXST - HS ngày 28/11/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Anh N (L)**, sinh năm 1971, tại: Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, thôn D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: không có nơi ở nhất định; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông: Hoàng Công Đ, sinh năm: 1937 và bà: Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1947; vợ: Nguyễn Minh H, sinh năm 1981; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 60/HSST ngày 28/8/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt Hoàng Anh N 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 Điều 186 Bộ luật Hình sự năm 1985. Bị cáo đã chấp hành xong.

+ Tại Bản án số 25 ngày 30/8/1999 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương xử phạt Hoàng Anh N 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1985. Bị cáo đã chấp hành xong.

+ Bản án số 48/HSPT ngày 16/8/1999 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Hoàng Anh N 07 (*bảy*) tháng 24 (*hai mươi bốn*) ngày tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân*” quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/1998. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Đ. *Có mặt tại phiên toà.*

- *Người bị hại:* Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: số B, đường K, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên toà.*

2. Ông Cáp Văn T1, sinh năm 1976 (đã chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T1: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; cháu Cáp Thị Tường V1, sinh năm 2006; cháu Cáp Thị Thu P, sinh năm 1999 và cháu Cáp Nguyễn Nhã U, sinh năm 2013.

Cùng nơi cư trú: Tổ E, thôn E, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Đăng T2, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số A, đường C, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà.*

2. Ông Lâm Trọng T3, sinh năm 1974

Nơi cư trú: T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà.*

3. Ông Trần Xuân H2, sinh năm 1979

Nơi cư trú: T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên toà*

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Anh N, mở garage sửa xe ô tô tại Tổ 20, Thôn D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và quen biết với anh Cáp Văn T1, sinh năm: 1976, nơi cư trú: Thôn E, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là khách thường xuyên sửa xe tại

garage của N. Ngày 11/01/2021, N hỏi mượn xe máy mức 03 Komatsu để di chuyển một số máy móc, thiết bị tại xưởng, anh T1 đã đồng ý và cho N mượn thêm chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO 6 tấn, biển số 49X – 7220 để chở xe máy mức về garage của N, sau khi sử dụng xong thì N vẫn để xe ô tô tải và xe máy mức của anh T1 tại đây. Trong thời gian này, anh Nguyễn Đăng T2 (tên gọi khác: D), sinh năm: 1977, nơi cư trú: 1 C, Phường I, thành phố Đ tới sửa xe tại garage của N thì biết N có mục đích bán xe ô tô tải cũ nên đầu tháng 01/2021, anh T2 giới thiệu cho anh Hoàng Xuân T (đang có nhu cầu mua xe ô tô tải cũ để phục vụ công việc) liên hệ với Hoàng Anh N để mua xe ô tô tải. Ngày 18/01/2021, anh T liên lạc với N để hỏi mua xe và N nói anh T đến garage của N để trực tiếp xem xe và thỏa thuận. Tại đây, N nói với anh T bán 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO 6 tấn, biển số 49X – 7220 với giá 170.000.000 đồng, do thấy xe ô tô trên đã hết hạn đăng kiểm nên anh T đã thỏa thuận với N về việc mua xe với giá 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) thì N đồng ý. Đến ngày 22/01/2021, anh T đến nhà N đặt cọc số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để mua xe ô tô tải và N viết giấy nhận cọc với nội dung “Hoàng Anh N nhận số tiền 40.000.000 đồng tiền cọc để bán xe ô tô biển số 49X-7220, số khung 9CO51589, Số máy 12F9902372 cho anh T”. Sau khi viết giấy đặt cọc, do N đã từng đi đăng kiểm dùm xe ô tô cho anh T1 nên biết anh T1 thường để giấy tờ xe (giấy đăng ký xe ô tô và sổ đăng kiểm mang tên Cáp Văn T1) trong hộp đựng đồ của xe ô tô nên N đã lấy giấy tờ xe đưa cho anh T để làm tin và hẹn anh T vào ngày 24/01/2021 khi nhận đủ số tiền còn lại sẽ bàn giao xe theo thỏa thuận thì anh T đồng ý đi về. Sau khi nhận được số tiền 40.000.000 đồng của anh T thì N đã mang đi trả nợ cá nhân hết.

Đến ngày 24/01/2021, do gần tết Nguyên đán nên anh Cáp Văn T1 đến garage của N lấy xe ô tô tải và xe máy mức về nhà tại Tổ E, Thôn E, xã T, thành phố Đ để nghỉ tết. Cùng ngày anh T liên lạc cho N để thanh toán số tiền còn lại (80.000.000 đồng) và nhận xe thì N không có xe giao nên đã hẹn anh T vài ngày sau sẽ giao xe. Sau khi anh T liên lạc đòi xe thì N đã đóng cửa garage, tắt điện thoại và bỏ trốn. Đến ngày 27/01/2021, anh T tiếp tục liên lạc qua điện thoại cho N để lấy xe ô tô tải nhưng không liên lạc được nên đã đến Garage của N để tìm thì thấy đóng cửa, nhìn vào trong nhà không thấy xe ô tô nên anh T đi tìm N. Khi tới nhà của anh Cáp Văn T1 thì anh T thấy xe ô tô tải biển số 49X - 7220 đang đậu trong sân nhà anh T1 nên anh T mang giấy tờ xe cùng giấy đặt cọc mua xe của N vào hỏi thì biết được xe ô tô tải trên là của anh T1, trước đó anh T1 cho N mượn để sử dụng và không biết việc N đã bán chiếc xe trên cho anh T, anh T1 kiểm tra hộc để đồ trên xe thì phát hiện không còn giấy tờ xe nữa. Lúc này, anh T biết mình bị Hoàng Anh N lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã anh T1 đến Cơ quan Công an trình báo.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận do anh Cáp Văn T1 nhờ bán xe ô tô biển số xe 49X – 7220 với giá 120.000.000 đồng nên N đã bán cho anh T với giá 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của anh Cáp Văn T1, lời khai của bị hại Hoàng Xuân T và người liên quan xác định anh T1 chỉ cho N mượn xe ô tô biển số xe 49X – 7220 để sử dụng. Việc N bán xe ô tô của anh T1 cho anh T để lấy số tiền đặt cọc 40.000.000 đồng thì không được anh T1 đồng ý, sau khi nhận số tiền đặt cọc từ anh T thì N đã sử dụng để trả nợ rồi bỏ trốn (BL: 143-144; 162-164; 168-179; 181-189; 207-223).

* *Bị hại:* Anh Hoàng Xuân T, sinh năm: 1979, nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng bị Hoàng Anh N chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Quá trình điều tra, gia đình Hoàng Anh N đã bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho anh Hoàng Xuân T, anh T không có yêu cầu gì khác và viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N (BL: 166).

* *Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 005131, mang tên Cáp Văn T1, biển số đăng ký 49X – 7220; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 3688569, biển số xe 49X – 7220. Ngày 29/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho anh Cáp Văn T1 (BL: 96-97).

- 01 (một) giấy nhận cọc do Hoàng A Ngừ viết cho anh Hoàng Xuân T vào ngày 22/01/2021. Tại bản Kết luận giám định số 494/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Anh N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng Anh N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký và viết ra (BL: 82-88; 116).

Tại bản cáo trạng số 338/CT-VKS-LĐ ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Hoàng Anh N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V không có yêu cầu bồi thường gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Anh N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 31 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2024.

Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án giấy nhận cọc với nội dung “*Hoàng Anh N nhận số tiền 40.000.000 đồng tiền cọc để bán xe ô tô biển số 49X-7220, số khung 9CO51589, Số máy 12F9902372 cho anh T*”.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để có tiền trả nợ cho cá nhân, bị cáo đã đưa thông tin giả để lừa người bị hại nhằm chiếm đoạt. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương thể hiện bị cáo coi thường pháp luật. Cụ thể: Bị cáo mở Garage xe ô tô tại xã T, thành phố Đ. Vào ngày 11/01/2021, bị cáo hỏi mượn xe ô tô tải nhãn hiệu THACO 6 tấn, biển số 49X – 7220 của anh Cáp Văn T1 để sử dụng, sau khi sử dụng xong anh T1 vẫn để xe tại garage của bị cáo. Do không có tiền trả nợ nên bị cáo N đã nảy sinh ý định bán xe ô tô tải trên của anh T1 cho anh Hoàng Xuân T để lấy tiền trả nợ. Ngày 22/01/2021, anh T đến nhà N đặt cọc số tiền mua xe là 40.000.000 đồng rồi N giao giấy đăng ký xe và giấy kiểm định xe ô tô tải mang tên Cáp Văn T1 (để sẵn trong xe ô tô) và viết giấy nhận cọc cho anh T làm tin và hẹn ngày 24/01/2021 khi nhận đủ số tiền còn lại sẽ giao xe. Sau khi nhận được số tiền đặt cọc trên, bị cáo đã dùng trả nợ cá nhân hết, rồi bỏ trốn. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Hoàng Anh N phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng số 338/CT-VKSĐL-LĐ ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo có nhân thân xấu nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình; bồi thường khắc phục hậu quả, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Anh N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Anh N 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Lưu hồ sơ vụ án giấy nhận cọc với nội dung “*Hoàng Anh N nhận số tiền 40.000.000 đồng tiền cọc để bán xe ô tô biển số 49X-7220, số khung 9CO51589, Số máy 12F9902372 cho anh T*”.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hoàng Anh N phải chịu 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh (2);
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Công an Tp Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ - CATP Đà Lạt
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Vân Anh

